

**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP BẮC VIỆT**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015



# CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP BẮC VIỆT

Địa chỉ: Số 9 ngách 93/8, Phố Hoàng Văn Thái, Phường Khương Trung, Quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

---

## MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 - 05
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	06 - 07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	09
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 33



## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thép Bắc Việt (gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

### **Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc**

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc điều hành Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng quản trị**

Ông Trần Anh Vương	Chủ tịch
Ông Vũ Hữu Trí	Thành viên
Ông Nguyễn Hữu Bảo	Thành viên
Ông Đặng Đức Dũng	Thành viên
Ông Lê Quốc Hùng	Thành viên
Ông Vũ Hoàng Chương	Thành viên

#### **Ban giám đốc**

Ông Vũ Hoàng Chương	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 19/11/2015)
Ông Trần Anh Vương	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 19/11/2015)

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**  
(tiếp theo)

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,

**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP BẮC VIỆT**



**Vũ Hoàng Chương**

**Tổng Giám đốc**

Hà Nội, ngày 24 tháng 03 năm 2016



## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Ban Giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Thép Bắc Việt**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thép Bắc Việt (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 24/03/2016, từ trang 10 đến trang 33, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

### Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính từ năm 2011 đến năm 2014 của công ty, kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến ngoại trừ về việc không thu thập được bằng chứng để đưa ra ý kiến kiểm toán về việc ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính 27.456.730.000 đồng, tăng công nợ phải thu 48.000.000.000 đồng liên quan đến việc bán 2.000.000 cổ phiếu tại Công ty CP Kim khí Bắc Việt trong năm 2011. Trong năm 2015, Công ty đã thu được 19.620.000.000 đồng, đã thực hiện giảm giá bán 5.776.075.360 đồng đối với nghiệp vụ này và ghi nhận giảm công nợ phải thu, tăng chi phí tài chính trong năm. Chúng tôi cũng không thể đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính năm 2015 do ảnh hưởng có thể có của vấn đề trên đối với báo cáo tài chính năm 2015 và tính có thể so sánh của dữ liệu tương ứng với dữ liệu kỳ hiện tại.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### Vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã trình bày tại Thuyết minh số III.1, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được trình bày lại theo hướng dẫn của Thông tư 200 cho phù hợp với số liệu của kỳ này. Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.



**Trần Quốc Tuấn**

Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0148-2013-034-1

**Đặng Thị Thu Huyền**

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1410-2013-034-1

Thay mặt và đại diện cho

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM**



## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
<b>A TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>44.054.599.930</b>	<b>69.722.092.558</b>
<b>I Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1.</b>	<b>10.142.704.605</b>	<b>446.101.187</b>
1 Tiền	111		142.704.605	446.101.187
2 Các khoản tương đương tiền	112		10.000.000.000	-
<b>II Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>III Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>32.055.937.580</b>	<b>66.804.495.919</b>
1 Phải thu của khách hàng	131	V.3.	7.181.785.504	11.487.791.771
2 Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4.	92.000.000	112.000.000
6 Các khoản phải thu khác	136	V.5.	27.145.645.267	57.568.197.339
7 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.3.	(2.363.493.191)	(2.363.493.191)
<b>IV Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>1.715.895.727</b>	<b>2.338.222.695</b>
1 Hàng tồn kho	141	V.7.	1.715.895.727	2.338.222.695
2 Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
<b>V Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>140.062.018</b>	<b>133.272.757</b>
1 Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10.	-	26.000.000
2 Thuế GTGT được khấu trừ	152		103.578.738	70.789.477
3 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		36.483.280	36.483.280
<b>B TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>121.283.929.080</b>	<b>107.238.932.381</b>
<b>I Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>II Tài sản cố định</b>	<b>220</b>	<b>V.9.</b>	<b>36.534.346</b>	<b>139.092.322</b>
1 Tài sản cố định hữu hình	221		36.534.346	139.092.322
- Nguyên giá	222		5.306.904.213	5.468.808.975
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(5.270.369.867)	(5.329.716.653)
<b>III Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>1.107.571.984</b>	<b>1.107.571.984</b>
1 Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		892.364.252	892.364.252
2 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.8.	215.207.732	215.207.732
<b>V Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.2.</b>	<b>120.051.759.114</b>	<b>105.795.813.535</b>
1 Đầu tư vào công ty con	251		130.136.505.600	121.132.205.013
2 Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		19.119.936.000	22.179.936.000
3 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		6.693.843.996	4.368.243.996
4 Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		(35.898.526.482)	(41.884.571.474)
<b>VI Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>88.063.636</b>	<b>196.454.540</b>
1 Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10.	88.063.636	196.454.540
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>165.338.529.010</b>	<b>176.961.024.939</b>

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 33 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015  
(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			31/12/2015	01/01/2015
<b>C NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>112.355.444.897</b>	<b>112.544.961.236</b>
<b>I Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>49.057.774.381</b>	<b>50.329.606.720</b>
1 Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12.	597.742.309	351.943.008
2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13.	1.455.056	-
3 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14.	2.754.209.035	2.785.656.515
4 Phải trả người lao động	314		53.100.000	80.819.000
5 Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15.	13.733.489.018	9.186.542.512
9 Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16.	1.947.738.020	3.330.511.686
10 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.11.	29.749.615.839	34.373.708.895
11 Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		220.425.104	220.425.104
<b>II Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>63.297.670.516</b>	<b>62.215.354.516</b>
8 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.11.	63.297.670.516	62.215.354.516
<b>D VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>52.983.084.113</b>	<b>64.416.063.703</b>
<b>I Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.17.</b>	<b>52.983.084.113</b>	<b>64.416.063.703</b>
1 Vốn góp của chủ sở hữu	411		97.509.480.000	97.509.480.000
2 Thặng dư vốn cổ phần	412		16.503.370.800	16.503.370.800
8 Quỹ đầu tư phát triển	418		7.856.827.827	7.856.827.827
10 Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		150.037.319	150.037.319
11 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(69.036.631.833)	(57.603.652.243)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(57.603.652.243)	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(11.432.979.590)	(57.603.652.243)
12 Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
<b>II Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>165.338.529.010</b>	<b>176.961.024.939</b>

Hà Nội, ngày 24 tháng 03 năm 2016

**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP BẮC VIỆT**

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Tạ Thị Thu Hà

Nguyễn Thị Thông

Vũ Hoàng Chương



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1.	43.030.809.049	43.769.978.969
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (01-02)	10		43.030.809.049	43.769.978.969
4 Giá vốn hàng bán	11	VI.2.	43.286.323.780	43.046.287.076
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		(255.514.731)	723.691.893
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3.	24.466.002	652.695.347
7 Chi phí tài chính	22	VI.4.	9.141.431.837	14.277.316.117
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		7.537.698.163	7.836.498.274
8 Chi phí bán hàng	24	VI.6.	26.000.000	-
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6.	2.061.771.751	2.613.917.637
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		(11.460.252.317)	(15.514.846.514)
11 Thu nhập khác	31	VI.5.	27.272.727	-
12 Chi phí khác	32		-	-
13 Lợi nhuận khác (40= 31-32)	40		27.272.727	-
14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		(11.432.979.590)	(15.514.846.514)
15 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		-	-
16 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		(11.432.979.590)	(15.514.846.514)

Hà Nội, ngày 24 tháng 03 năm 2016  
CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP BẮC VIỆT

Người lập biểu



Tạ Thị Thu Hà

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thông

Tổng Giám đốc



Vũ Hoàng Chương

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Đơn vị tính: VND  
Năm 2014

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(11.432.979.590)	(15.514.846.514)
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		102.557.976	125.254.866
- Các khoản dự phòng	03		(5.986.044.992)	5.700.526.527
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		1.198.917.279	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		6.356.042.283	-
- Chi phí lãi vay	06		7.537.698.163	7.836.498.274
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(2.223.808.881)	(1.852.566.847)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		9.319.693.718	10.141.197.215
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		622.326.968	(229.218.977)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(1.219.730.858)	2.045.679.340
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		134.390.904	(111.400.000)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(2.658.727.499)	(7.613.804.302)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		3.974.144.352	2.379.886.429
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		30.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(9.004.300.587)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		19.740.000.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		7.160.350	3.386.743
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		10.772.859.763	3.386.743
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
3. Tiền thu từ đi vay	33		60.976.091.000	61.814.385.860
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(66.024.222.214)	(63.861.070.643)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(5.048.131.214)	(2.046.684.783)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		9.698.872.901	336.588.389
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		446.101.187	109.512.798
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(2.269.483)	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	V.01	10.142.704.605	446.101.187

Hà Nội, ngày 24 tháng 03 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP BẮC VIỆT

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc

Tạ Thị Thu Hà

Nguyễn Thị Thông



Vũ Hoàng Chương

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp****1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Thép Bắc Việt, tên giao dịch là Bac Viet Steel Joint Stock Company (sau đây gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty TNHH Thép Bắc Việt được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102000145 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 06/03/2000. Sau đó được chuyển thành Công ty Cổ phần Thép Bắc Việt và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103025395 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, đăng ký lần đầu ngày 20/06/2008. Công ty có 5 lần thay đổi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ năm ngày 03 tháng 11 năm 2015 thì vốn điều lệ của Công ty là: **97.509.480.000 VND** (Bằng chữ: Chín mươi bảy tỷ, năm trăm lẻ chín triệu, bốn trăm tám mươi nghìn đồng).

**2. Lĩnh vực kinh doanh**

Công ty hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh thương mại và sản xuất kết cấu thép.

**3. Ngành nghề kinh doanh**

- Buôn bán kim loại và quặng kim loại; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
  - Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
  - Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình; Đại lý, môi giới, đấu giá; Sản xuất kim loại; Sản xuất khung nhà kho bằng thép; sản xuất các kết cấu kiện thép cho xây dựng;
  - Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại; Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại;
  - Sản xuất sắt, thép, gang; Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe có động cơ và động cơ xe; Sản xuất máy thông dụng khác;
  - Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp; Sản xuất động cơ, tua bin; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Lắp đặt hệ thống điện; Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
  - Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác; Bốc xếp hàng hóa; kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
  - Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
  - Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
  - Cho thuê xe có động cơ; Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác; Bru chính; Chuyển phát;
  - Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí thi công lắp đặt các công trình cấp thoát nước;
- (Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)/.

Trụ sở Công ty tại: Số 9, ngách 93/8 phố Hoàng Văn Thái, Phường Khương Trung, Thanh Xuân, Hà Nội.  
Tel: (84 - 4) 3877 0742 Fax: (84 - 4) 3873 3648

**4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**5. Cấu trúc doanh nghiệp****5.1 Danh sách các công ty con**

- Công ty TNHH Kết cấu thép Bắc Việt  
Địa chỉ: Km 7, Quốc lộ 18, xã Phương Liễu, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh  
Tỷ lệ vốn góp: 100% Quyền biểu quyết: 100%

- Công ty CP Công nghiệp Bắc Việt  
Địa chỉ: Thôn Tô Hiệu, xã Đông Quang, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình  
Tỷ lệ vốn góp: 98,69% Quyền biểu quyết: 98,69%

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

- Công ty CP Công nghệ Bắc Việt

Địa chỉ: Km 7, Quốc lộ 18, xã Phương Liễu, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh

Tỷ lệ vốn góp: 89,47% Quyền biểu quyết: 89,47%

**5.2 Danh sách các công ty liên doanh, liên kết**

- Công ty Cổ phần Thương mại Bắc Việt

Địa chỉ: Số 109/53 Đường Đức Giang, Long Biên, Hà Nội

Tỷ lệ vốn góp: 34% Quyền biểu quyết: 34%

- Công ty TNHH Nippon Steel & Sumikin metal products VN

Địa chỉ: Km 7, Quốc lộ 18, xã Phương Liễu, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh

Tỷ lệ vốn góp: 24% Quyền biểu quyết: 24%

**6. Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính**

Như trình bày tại Thuyết minh số III.1, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 200"), hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được phân loại lại và trình bày lại để phù hợp với việc so sánh số liệu của kỳ này.

**II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán****1. Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

**2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng****1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp.

**Áp dụng hướng dẫn kế toán mới****Hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp**

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Ban Giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

**2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

**IV. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu****1. Công cụ tài chính****Ghi nhận ban đầu**

*Tài sản tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ và các khoản đầu tư tài chính.

*Công nợ tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính và các khoản vay.

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**2. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**

Tỷ giá đề quy đổi các giao dịch phát sinh trong kỳ bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch với Ngân hàng TNHH Indovina.

Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính là tỷ giá công bố của Ngân hàng TNHH Indovina và Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex.

Trong đó:

- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản là tỷ giá mua vào của Ngân hàng TNHH Indovina.
- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả là tỷ giá bán ra của Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex.

**3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo, phù hợp với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt nam số 24 – Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

**4. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**

*Các khoản đầu tư vào công ty con, góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết*

*Đầu tư vào công ty con*

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

*Góp vốn liên doanh*

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một công ty thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thỏa thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính của công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh và phần chi phí phát sinh phải gánh chịu được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

*Phương pháp lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư*

Khi giá trị thuần có thể thực hiện được của các khoản đầu tư dài hạn giảm xuống thấp hơn giá gốc, Công ty đã trích lập dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Tại thời điểm 31/12/2015, Công ty đã hoàn nhập dự phòng theo số chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay thấp hơn số dự phòng đã lập năm trước đối với khoản đầu tư vào Công ty Nippon Steel & Sumikin. Công ty chưa tiến hành xem xét trích lập dự phòng giảm giá khoản đầu tư dài hạn khác và khoản đầu tư vào Công ty CP Thương mại Bắc Việt do chưa thu thập được báo cáo tài chính của các công ty này.

*Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác*

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu

**5. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu bao gồm các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Nợ phải thu không ghi cao hơn giá trị phải thu hồi.

Phải thu khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán.

Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến các giao dịch mua - bán.

Các khoản nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn của các khoản phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi, căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra. Tại ngày 31/12/2015, Công ty thực hiện trích lập dự phòng phải thu khó đòi.

28  
TY  
HỮU  
ĐINH  
AM  
P.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

**6. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Tại ngày 31/12/2015, Công ty không có hàng tồn kho cần trích lập dự phòng giảm giá.

**7. Nguyên tắc kế toán và khấu hao TSCĐ****7.1 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư 45/2013/TT - BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

<i>Loại tài sản cố định</i>	<i>Thời gian khấu hao &lt;năm&gt;</i>
- Máy móc, thiết bị	6 - 25
- Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	3 - 7
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 5

**8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các chi phí thực tế để mua sắm và xây dựng của dự án Logistic Bắc Ninh, dự án Trường đại học Công nghệ Lý Thái Tổ được ghi nhận theo giá gốc, tại thời điểm có nghiệm thu, quyết toán từng hạng mục công trình, công trình hoặc khi chi phí thực tế phát sinh có đầy đủ hóa đơn, chứng từ hợp pháp.

**9. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ các khoản chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước tiền thuê văn phòng, phí sử dụng phần mềm và các khoản chi phí trả trước khác.

Tiền thuê văn phòng thể hiện số tiền thuê văn phòng đã được trả trước. Tiền thuê văn phòng trả trước được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

**10. Nguyên tắc kế toán các khoản nợ phải trả**

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhập thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác);

Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả. Nợ phải trả có gốc ngoại tệ được Công ty đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex

**11. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ thuê tài chính**

Các khoản vay và nợ thuê tài chính được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các kế ước và các hợp đồng vay, nợ thuê tài chính.

Các khoản vay, nợ thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng, kỳ hạn, nguyên tệ.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, Công ty đã đánh giá lại số dư các khoản vay, nợ thuê tài chính có gốc ngoại tệ theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

**12. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Chi phí phải trả của Công ty là khoản trích trước chi phí lãi vay, được ghi nhận căn cứ vào hợp đồng vay, thời gian vay và lãi suất vay.

Việc trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy về các khoản chi phí phải trích trước trong kỳ, để đảm bảo số chi phí phải trả hạch toán vào tài khoản này phù hợp với số chi phí thực tế phát sinh.

**13. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

**14. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận (lãi hoặc lỗ) từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.





**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

**15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác**

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán các hàng hóa về thép, cho thuê xe ô tô và doanh thu từ tiền lãi tiền gửi.

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính gồm doanh thu từ tiền lãi tiền gửi, lãi cho vay, thu cổ tức, hoạt động mua, bán chứng khoán...

Doanh thu từ tiền lãi tiền gửi, lãi cho vay, được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ, phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".

Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong kỳ.

Thu nhập khác của Công ty là khoản thu nhập từ thanh lý trạm biến áp.

**16. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán được ghi nhận và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hoá, vật tư xuất bán cho khách hàng, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

Giá vốn dịch vụ được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh để hoàn thành dịch vụ, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

**17. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính**

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong

**18. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác****18.1 Các nghĩa vụ về thuế*****Thuế giá trị gia tăng (GTGT)***

Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành với mức thuế suất thuế GTGT 10% đối với sản phẩm thép và gia công thép và các mặt hàng khác

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 22% trên lợi nhuận chịu thuế.

Việc xác định thuế Thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế Thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

**Thuế khác**

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán**

**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
<b>Tiền</b>	<b>142.704.605</b>	<b>446.101.187</b>
<i>Tiền mặt</i>	<i>88.453.626</i>	<i>78.377.373</i>
<i>Tiền gửi ngân hàng</i>	<i>54.250.979</i>	<i>367.723.814</i>
VND	46.884.958	360.472.559
<i>Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - CN Hà Nội</i>	<i>904.651</i>	<i>21.234.651</i>
<i>Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - CN Thăng Long</i>	<i>19.822.461</i>	<i>3.851.404</i>
<i>Ngân hàng TNHH Indovina - CN Mỹ Đình</i>	<i>6.182.198</i>	<i>229.240.710</i>
<i>Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Hà Nội</i>	<i>19.028.915</i>	<i>105.097.341</i>
<i>Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN- CN Hà Thành</i>	<i>946.733</i>	<i>1.048.453</i>
USD	7.366.021	7.251.255
<i>Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - CN Hà Nội</i>	<i>2.794.301</i>	<i>2.794.301</i>
<i>Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN - CN Hà Thành</i>	<i>2.102.320</i>	<i>2.155.990</i>
<i>Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - CN Thăng Long</i>	<i>2.245.000</i>	<i>2.088.503</i>
<i>Ngân hàng TNHH Indovina - CN Mỹ Đình</i>	<i>224.400</i>	<i>212.461</i>
<b>Các khoản tương đương tiền</b>	<b>10.000.000.000</b>	<b>-</b>
<i>Tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 01 tháng Ngân hàng TNHH Indovina</i>	<i>10.000.000.000</i>	<i>-</i>
<b>Cộng</b>	<b>10.142.704.605</b>	<b>446.101.187</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***2. Các khoản đầu tư tài chính***Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

	31/12/2015 VND			01/01/2015 VND		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
<b>Đầu tư vào công ty con</b>	<b>130.136.505.600</b>	<b>106.895.571.067</b>	<b>(23.240.934.533)</b>	<b>121.132.205.013</b>	<b>89.352.441.950</b>	<b>(31.779.763.063)</b>
Công ty TNHH Kết cấu thép Bắc Việt (1)	31.000.000.000	21.880.205.471	(9.119.794.529)	31.000.000.000	19.818.479.351	(11.181.520.649)
Công ty Cổ phần Công Nghiệp Bắc Việt (2)	35.386.505.600	27.166.506.127	(8.219.999.473)	26.382.205.013	22.042.648.171	(4.339.556.842)
Công ty Cổ phần Công Nghệ Bắc Việt (3)	63.750.000.000	57.848.859.469	(5.901.140.531)	63.750.000.000	47.491.314.428	(16.258.685.572)
<b>Đầu tư vào công ty liên kết</b>	<b>19.119.936.000</b>	<b>31.777.527.949</b>	<b>(12.657.591.949)</b>	<b>22.179.936.000</b>	<b>12.075.127.589</b>	<b>(10.104.808.411)</b>
Công ty Cổ phần Thương Mại Bắc Việt	6.222.000.000	6.222.000.000	-	6.222.000.000	6.222.000.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư & Công nghệ Hưng Việt	-	-	-	3.060.000.000	3.060.000.000	-
Công ty TNHH Nippon Steel & Sumikin metal products VN	12.897.936.000	25.555.527.949	(12.657.591.949)	12.897.936.000	2.793.127.589	(10.104.808.411)
<b>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>	<b>6.693.843.996</b>	<b>6.693.843.996</b>	<b>-</b>	<b>4.368.243.996</b>	<b>4.368.243.996</b>	<b>-</b>
Công ty Cổ phần Xây dựng Hanel	1.452.457.000	1.452.457.000	-	1.452.457.000	1.452.457.000	-
Công ty TNHH MTV LIM ROYAL	2.915.786.996	2.915.786.996	-	2.915.786.996	2.915.786.996	-
Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư & Công nghệ Hưng Việt	2.325.600.000	2.325.600.000	-	-	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>155.950.285.596</b>	<b>145.366.943.012</b>	<b>(35.898.526.482)</b>	<b>147.680.385.009</b>	<b>105.795.813.535</b>	<b>(41.884.571.474)</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

**(\*) Ghi chú:**

(1) Công ty TNHH Kết cấu thép Bắc Việt được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 210400007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp lần đầu ngày 22/12/2005. Công ty có 03 lần thay đổi đăng ký kinh doanh. Theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 03 ngày 17/12/2009 thì Vốn điều lệ của Công ty là: 31.000.000.000 VND (Bằng chữ: Ba mươi một tỷ đồng). Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp, kinh doanh dịch vụ.

(2) Công ty Cổ phần Công nghiệp Bắc Việt được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đầu tư số 08121000059 ngày 12/03/2008 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 31/01/2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Thái Bình cấp. Công ty có hai lần thay đổi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ hai ngày 15/03/2012 thì vốn điều lệ của Công ty là: 30.000.000.000 VND (Ba mươi tỷ đồng). Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp.

(3) Công ty CP Công nghệ Bắc Việt được chuyển đổi từ Công ty TNHH Công nghệ Bắc Việt và đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký công ty cổ phần số 23000342329 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 25/6/2009. Vốn điều lệ của Công ty là 71.250.000.000 VND (Bảy mươi một tỷ, hai trăm năm mươi triệu đồng). Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp, và kinh doanh các sản phẩm nhựa thép.

- Trong năm, Công ty đã trích lập dự phòng đối với các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty TNHH Nippon Steel & Sumikin metal products VN.

- Do chưa được cung cấp BCTC của các Công ty nhận vốn góp khác để xem xét trích lập dự phòng giảm giá đầu tư nên giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này đang được Công ty xác định bằng giá gốc.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

**3. Phải thu của khách hàng**

	31/12/2015		01/01/2015	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn</b>				
Công ty CP Đầu tư & Xây dựng Hanel	503.504.125	503.504.125	503.504.125	503.504.125
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Quảng Ninh	80.168.880	80.168.880	80.168.880	80.168.880
Công ty CP Sản xuất và Xây lắp 89	180.000.000	180.000.000	180.000.000	180.000.000
Công ty CP Xây dựng số 3 Hải Phòng	197.613.036	197.613.036	197.613.036	197.613.036
Công ty CP Thương mại Bắc Việt	4.807.689.789	-	499.219.593	-
Công ty TNHH Kết cấu thép Bắc Việt	-	-	8.441.819.552	-
Nhà máy Chế tạo Thiết bị nâng hạ	1.280.406.080	1.280.406.080	1.280.406.080	1.280.406.080
Các đối tượng khác	132.403.594	121.801.070	305.060.505	121.801.070
<b>Cộng</b>	<b>7.181.785.504</b>	<b>2.363.493.191</b>	<b>11.487.791.771</b>	<b>2.363.493.191</b>

b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2

**4. Trả trước cho người bán**

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
<b>Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>		
Công ty TNHH Phú Đức	-	50.000.000
Công ty TNHH Truyền Thông An Hòa	30.000.000	-
Các đối tượng khác	62.000.000	62.000.000
<b>Cộng</b>	<b>92.000.000</b>	<b>112.000.000</b>

**5. Phải thu khác**

	31/12/2015		01/01/2015	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Ngắn hạn</b>				
- Tạm ứng	318.783.000	-	313.583.000	-
Ngô Xuân Thọ	10.000.000	-	10.000.000	-
Tạ Anh Tuấn	140.000.000	-	140.000.000	-
Nguyễn Xuân Khang	7.300.000	-	7.300.000	-
Ngô Xuân Lộc	37.000.000	-	37.000.000	-
Nguyễn Thị Ngọc Hà	6.000.000	-	6.000.000	-
Nguyễn Văn Mùng	7.750.000	-	7.750.000	-
Các đối tượng khác	110.733.000	-	105.533.000	-

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

- Phải thu khác	26.811.712.267	-	57.248.264.339	-
Ông Nguyễn Văn Mừng (*)	22.123.924.640	-	47.520.000.000	-
Ông Đặng Đức Dũng	120.000.000	-	-	-
Công ty TNHH Kết cấu thép Bắc Việt	-	-	4.955.476.712	-
Công ty CP Công nghiệp Bắc Việt	4.548.537.668	-	4.753.537.668	-
Các đối tượng khác	19.249.959	-	19.249.959	-
- Ký cược, ký quỹ	5.150.000	-	6.350.000	-
Đặt cọc tiền thuê văn phòng	5.150.000	-	6.350.000	-
- Dư Nợ 3388	10.000.000	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>27.145.645.267</b>	<b>-</b>	<b>57.568.197.339</b>	<b>-</b>

(\*) Là khoản tiền chuyển nhượng 2.000.000 cổ phiếu của Công ty tại Công ty Cổ phần kim khí Bắc Việt cho Ông Nguyễn Văn Mừng phát sinh từ năm 2011. Đến thời điểm 31/12/2015, khoản nợ phải thu của Ông Nguyễn Văn Mừng liên quan đến việc chuyển nhượng cổ phiếu nêu trên đã được thanh toán với giá trị là 19.620.000.000 đồng và số còn lại chưa thu được với tổng giá trị là 27.900.000.000 đồng. Công ty đã thực hiện giảm giá bán 5.776.075.360 đồng đối với nghiệp vụ này và ghi nhận giảm công nợ phải thu, tăng chi phí tài chính trong năm.

6. Nợ xấu	31/12/2015		01/01/2015	
	VND		VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<i>Phải thu quá hạn, khó đòi</i>				
Công ty CP Đầu tư & Xây dựng Hanel	503.504.125	-	503.504.125	-
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Quảng Ninh	80.168.880	-	80.168.880	-
Công ty CP Sản xuất và Xây lấp 89	180.000.000	-	180.000.000	-
Công ty CP Xây dựng số 3 Hải Phòng	197.613.036	-	197.613.036	-
Nhà máy Chế tạo Thiết bị nâng hạ	1.280.406.080	-	1.280.406.080	-
Các đối tượng khác	132.403.594	10.602.524	305.060.505	183.259.435
<b>Cộng</b>	<b>2.374.095.715</b>	<b>10.602.524</b>	<b>2.546.752.626</b>	<b>183.259.435</b>

7. Hàng tồn kho	31/12/2015		01/01/2015	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng hóa	1.715.895.727	-	2.338.222.695	-
<b>Cộng</b>	<b>1.715.895.727</b>	<b>-</b>	<b>2.338.222.695</b>	<b>-</b>

(\*) Toàn bộ giá trị hàng tồn kho đã được thế chấp để đảm bảo các khoản vay.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

8. Tài sản dở dang dài hạn	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	892.364.252	892.364.252
Giá trị kinh doanh dở dang (1)	892.364.252	892.364.252
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang dài hạn	215.207.732	215.207.732
Dự án Logistis Bắc Ninh và Công nghệ Lý Thái Tổ (2)	215.207.732	215.207.732
<b>Cộng</b>	<b>1.107.571.984</b>	<b>1.107.571.984</b>

(1) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ là giá trị kinh doanh dở dang công trình Hệ thống ống thoát nước và công trình Quang Trung đã phát sinh từ rất lâu. Khách hàng không trả tiền nên Công ty tạm dừng thi công.

(2) Dự án Logistis Bắc Ninh và Công nghệ Lý Thái Tổ đã ngừng không triển khai từ năm 2010 đến nay.

9. Tăng, giảm Tài sản cố định hữu hình

Chỉ tiêu	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Đơn vị tính: VND	
					Cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư ngày 01/01/2015	1.057.089.603	4.345.234.327	66.485.045		5.468.808.975
Mua trong năm	-	-	-		-
Thanh lý, nhượng bán	-	(161.904.762)	-		(161.904.762)
Giảm khác	-	-	-		-
Số dư ngày 31/12/2015	1.057.089.603	4.183.329.565	66.485.045		5.306.904.213
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư ngày 01/01/2015	1.055.214.603	4.208.017.005	66.485.045		5.329.716.653
Khấu hao trong năm	1.875.000	100.682.976	-		102.557.976
Thanh lý, nhượng bán	-	(161.904.762)	-		(161.904.762)
Số dư ngày 31/12/2015	1.057.089.603	4.146.795.219	66.485.045		5.270.369.867
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày 01/01/2015	1.875.000	137.217.322	-		139.092.322
Tại ngày 31/12/2015		36.534.346	-		36.534.346

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 4.864.711.157 VND

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đang cầm cố, thế chấp : 0 VND

10. Chi phí trả trước	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
a) Ngắn hạn	-	26.000.000
Công cụ dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ	-	-
Tiền thuê văn phòng, phần mềm kế toán	-	26.000.000
b) Dài hạn	88.063.636	196.454.540
Công cụ dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ	88.063.636	196.454.540
<b>Cộng</b>	<b>88.063.636</b>	<b>222.454.540</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

**11. Vay và nợ thuê tài chính**

	31/12/2015		Trong năm		01/01/2015	
	VND		VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a) Vay ngắn hạn</b>	<b>29.749.615.839</b>	<b>29.749.615.839</b>	<b>61.422.446.954</b>	<b>66.046.540.010</b>	<b>34.373.708.895</b>	<b>34.373.708.895</b>
Vũ Hồng Thúy	2.284.795.927	2.284.795.927	212.124.963	10.606.244	2.083.277.208	2.083.277.208
Nguyễn Vũ Giang	829.757.000	829.757.000	87.233.520	3.811.676	746.335.156	746.335.156
Các đối tượng khác	1.655.062.912	1.655.062.912	531.997.471	396.868.240	1.519.933.681	1.519.933.681
Ngân hàng TNHH Indovina - CN Mỹ Đình (1)	24.980.000.000	24.980.000.000	60.591.091.000	65.635.253.850	30.024.162.850	30.024.162.850
<b>b) Vay dài hạn</b>	<b>63.297.670.516</b>	<b>63.297.670.516</b>	<b>1.082.316.000</b>	<b>-</b>	<b>62.215.354.516</b>	<b>62.215.354.516</b>
VND						
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - CN Thăng Long (2)	41.917.182.516	41.917.182.516	-	-	41.917.182.516	41.917.182.516
USD						
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - CN Thăng Long (3)	21.380.488.000	21.380.488.000	1.082.316.000		20.298.172.000	20.298.172.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>93.047.286.355</b>	<b>93.047.286.355</b>	<b>62.504.762.954</b>	<b>66.046.540.010</b>	<b>96.589.063.411</b>	<b>96.589.063.411</b>

c) Thuyết minh chi tiết về các khoản vay và nợ thuê tài chính đối với các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

(1) Vay theo Hợp đồng bổ sung số 062/IVBMD-HĐHM/2015 Hạn mức tín dụng là 25.000.000.000 đồng. Hợp đồng tín dụng này cũng bao gồm toàn bộ số dư nợ, số dư bảo lãnh, thư tín dụng (nếu có) của Công ty tại Ngân hàng được chuyển tiếp từ Hợp đồng hạn mức tín dụng số 026/IVBMD-HĐHM/2014 ngày 26/04/2014. Thời gian giải ngân đến hết ngày 27/04/2015. Mục đích vay: Tài trợ cho một phần vốn lưu động của bên vay. Lãi suất vay: 10,0% cho 360 ngày đối với các khoản vay VND. Thời hạn các khoản vay thông thường (theo Giấy cam kết trả nợ) không được quá 180 ngày. Tài sản đảm bảo là toàn bộ nhà xưởng, tài sản gắn liền với đất khác và các máy móc thiết bị của Công ty CP Công nghiệp Bắc Việt tại Khu công nghiệp Gia Lễ, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình với tổng giá trị là 47.615.027.997 đồng, toàn bộ tồn kho hàng hóa của Công ty CP Thép Bắc Việt được hình thành từ nguồn vốn vay Ngân hàng Indovina Chi nhánh Đống Đa. Tài sản đảm bảo bổ sung bao gồm quyền sử dụng 42.350 m<sup>2</sup> đất của Công ty CP Kim khí Bắc Việt tại khu Công nghiệp MP Đình Vũ phường Đông Hải 2 quận Hải An thuộc khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải thành phố Hải Phòng có tổng giá trị là 18.504.597.222 đồng và quyền thuê đất (82.000 m<sup>2</sup>) của Công ty CP Công nghiệp Bắc Việt tại Khu công nghiệp Gia Lễ, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

(2) và (3): Khoản vay dài hạn ngân hàng PG là khoản vay dài hạn theo hợp Hợp đồng hạn mức tín dụng trung dài hạn số 170.107/HĐHM/NH-PN/PGBTL.11 ký ngày 10/05/2011, lãi suất và thời hạn vay được quy định theo từng kế ước nhận nợ. Theo thỏa thuận điều chỉnh khoản vay ngày 06/01/2015 cấu trúc lại khoản vay, công ty bắt đầu trả gốc vay và lãi vay theo từ năm 2017 đến năm 2023. Lãi suất vay 7,5%/năm đối với khoản vay bằng VND. Lãi suất tốt nhất cho các khoản vay bằng USD tại từng thời điểm.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

12. Phải trả người bán	31/12/2015		01/01/2015	
	VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn				
Công ty CP Thép Chương Dương	49.907.692	49.907.692	49.907.692	49.907.692
Công ty Wuxi Zonhai Intl Corporation, Ltd	270.137.000	270.137.000	270.137.000	270.137.000
Công ty TNHH kết cấu thép Bắc Việt	113.831.740	113.831.740	-	-
Công ty CP Công Nghệ Bắc Việt	114.273.761	114.273.761	-	-
Đối tượng khác	49.592.116	49.592.116	31.898.316	31.898.316
<b>Cộng</b>	<b>597.742.309</b>	<b>597.742.309</b>	<b>351.943.008</b>	<b>351.943.008</b>
b) Phải trả người bán là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2				
13. Người mua trả tiền trước			31/12/2015	01/01/2015
			VND	VND
Người mua trả tiền trước ngắn hạn				
Công ty THIRI DANA Trading company limited			1.455.056	-
<b>Cộng</b>			<b>1.455.056</b>	<b>-</b>
14. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước				
	01/01/2015	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2015
				VND
a) Phải nộp				
Thuế GTGT đầu ra	2.647.705.993	4.273.102.247	4.303.102.247	2.617.705.993
Thuế thu nhập cá nhân	137.950.522	40.124.141	41.571.621	136.503.042
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
	<b>2.785.656.515</b>	<b>4.316.226.388</b>	<b>4.347.673.868</b>	<b>2.754.209.035</b>
b) Phải thu				
Thuế TNDN	36.483.280	-	-	36.483.280
<b>Cộng</b>	<b>36.483.280</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>36.483.280</b>
15. Chi phí phải trả			31/12/2015	01/01/2015
			VND	VND
Ngắn hạn				
Chi phí lãi vay trích trước			13.733.489.018	9.186.542.512
<b>Cộng</b>			<b>13.733.489.018</b>	<b>9.186.542.512</b>

Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

16. Phải trả khác	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
<i>Ngắn hạn</i>		
- Kinh phí công đoàn	37.582.054	45.679.054
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.910.155.966	3.284.832.632
Công ty TNHH Kết cấu thép Bắc Việt	1.723.225.578	-
Công ty CP Công nghệ Bắc Việt	-	3.097.902.244
Cục thuế TP Hà Nội	93.043.076	91.980.604
Các khoản phải trả khác	93.887.312	94.949.784
<b>Cộng</b>	<b>1.947.738.020</b>	<b>3.330.511.686</b>

17. **Vốn chủ sở hữu**17.1 *Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu*

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại ngày 01/01/2014	97.509.480.000	16.503.370.800	(42.088.805.729)	71.924.045.071
Lỗi trong năm trước	-	-	(15.514.846.514)	(15.514.846.514)
Số dư tại ngày 31/12/2014	97.509.480.000	16.503.370.800	(57.603.652.243)	56.409.198.557
Lỗi trong năm nay	-	-	(11.432.979.590)	(11.432.979.590)
Số dư tại ngày 31/12/2015	97.509.480.000	16.503.370.800	(69.036.631.833)	44.976.218.967

17.2 *Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu*

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Vốn góp của các đối tượng khác	97.509.480.000	97.509.480.000
<b>Cộng</b>	<b>97.509.480.000</b>	<b>97.509.480.000</b>

17.3 *Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận*

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>	<b>97.509.480.000</b>	<b>97.509.480.000</b>
Vốn góp đầu năm	97.509.480.000	97.509.480.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	97.509.480.000	97.509.480.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

17.4 *Cổ phiếu*

	Năm 2015 Cổ phiếu	Năm 2014 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	9.750.948	9.750.948
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	9.750.948	9.750.948
- Cổ phiếu phổ thông	9.750.948	9.750.948
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân là vốn chủ sở hữu)	-	-

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.750.948	9.750.948
- Cổ phiếu phổ thông	9.750.948	9.750.948
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân là vốn chủ sở hữu)	-	-
- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/Cổ phiếu	-	-

**17.5 Các quỹ của doanh nghiệp**

Khoản mục	01/01/2015	Số tăng trong năm	Số giảm trong năm	Đơn vị tính: VND
				31/12/2015
Quỹ đầu tư phát triển	7.856.827.827	-	-	7.856.827.827
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	150.037.319	-	-	150.037.319
<b>Cộng</b>	<b>8.006.865.146</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>8.006.865.146</b>

**18. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán**

Ngoại tệ các loại:

	31/12/2015
	USD
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - CN Thăng Long	100
Ngân hàng TNHH Indovina - CN Mỹ Đình	10

**VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa	42.688.888.115	43.769.978.969
Doanh thu cung cấp dịch vụ	341.920.934	-
<b>Cộng</b>	<b>43.030.809.049</b>	<b>43.769.978.969</b>
2. Giá vốn hàng bán	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Giá vốn hàng bán	43.131.971.176	43.046.287.076
Giá vốn cung cấp dịch vụ	154.352.604	-
<b>Cộng</b>	<b>43.286.323.780</b>	<b>43.046.287.076</b>
3. Doanh thu hoạt động tài chính	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	7.164.164	3.386.743
Lãi ký quỹ	-	629.872.854
Lãi chênh lệch tỷ giá	17.301.838	19.435.750
<b>Cộng</b>	<b>24.466.002</b>	<b>652.695.347</b>

Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

4. Chi phí tài chính	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chi phí lãi vay	7.537.698.163	7.836.498.274
Lãi chậm nộp bảo hiểm xã hội	229.530	32.826.256
Lỗi chênh lệch tỷ giá	1.199.073.776	675.892.955
Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính	(5.986.044.992)	5.732.098.632
Lỗi đầu tư chứng khoán	614.400.000	-
Chi phí tài chính khác	5.776.075.360	-
<b>Cộng</b>	<b>9.141.431.837</b>	<b>14.277.316.117</b>
5. Thu nhập khác	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	27.272.727	-
<b>Cộng</b>	<b>27.272.727</b>	<b>-</b>
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp và chi phí bán hàng	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
<i>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ</i>		
Chi phí nhân viên quản lý	1.211.099.500	1.251.670.795
Chi phí khấu hao TSCĐ	91.194.340	113.891.226
Chi phí dự phòng	-	(15.981.105)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	759.477.911	1.264.336.721
<b>Cộng</b>	<b>2.061.771.751</b>	<b>2.613.917.637</b>
<i>Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ</i>		
Chi phí dịch vụ mua ngoài	26.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>26.000.000</b>	<b>-</b>
7. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chi phí nhân công	1.211.099.500	1.251.670.795
Chi phí khấu hao tài sản cố định	102.557.976	125.254.866
Chi phí dịch vụ mua ngoài	785.477.911	1.264.336.721
<b>Cộng</b>	<b>2.099.135.387</b>	<b>2.641.262.382</b>
8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Doanh thu chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	43.082.547.778	44.422.674.316
Chi phí tính thuế thu nhập doanh nghiệp	54.515.527.368	59.937.520.830
Lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	(11.432.979.590)	(15.514.846.514)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	22%	22%
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ****1. Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ**

Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác trong năm không bao gồm 2.352.600.000 VND, là số tiền chi đầu tư phát sinh từ việc chuyển đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Hưng Việt từ đầu tư vào Công ty liên kết sang Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Vì vậy một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác.

**2. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến Báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Lãi vay cá nhân nhập vào gốc	446.355.954	912.633.061
Khấu trừ thuế TNCN vào gốc vay	22.317.796	27.109.526
Lãi chênh lệch tỷ giá khi mua ngoại tệ trả gốc vay	-	22.036.750
Lỗ chênh lệch tỷ giá khi đánh giá lại khoản vay dài hạn cuối kỳ	1.196.647.796	251.591.000
Lỗ chuyển nhượng cổ phần	614.400.000	-
	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
<b>3. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ:</b>		
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	60.976.091.000	61.814.385.860
<b>4. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ:</b>		
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường;	66.024.222.214	63.861.070.643

**VIII. Những thông tin khác****1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm**

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

**2. Thông tin về các bên liên quan***Danh sách các bên liên quan***Bên liên quan**

Công ty CP Thương mại Bắc Việt  
 Công ty TNHH Kết cấu thép Bắc Việt  
 Công ty CP Công nghiệp Bắc Việt  
 Công ty CP Công nghệ Bắc Việt  
 Công ty TNHH Nippon steel & Sumikin metal products VN

**Mối quan hệ**

Công ty liên kết  
 Công ty con  
 Công ty con  
 Công ty con  
 Công ty liên kết

**a) Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
<b>Doanh thu</b>	<b>42.457.343.331</b>	<b>42.616.739.334</b>
Bán hàng cho Công ty CP Thương mại Bắc Việt	27.438.531.260	26.116.956.026
Bán hàng cho Công ty TNHH Kết cấu thép Bắc Việt	1.611.680.632	2.824.265.351

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Bán hàng cho Công ty CP Công nghiệp Bắc Việt	-	1.189.652
Bán hàng cho Công ty CP Công nghệ Bắc Việt	13.317.625.281	13.516.629.928
Công ty TNHH Nippon steel & Sumikin metal products Việt Nam	89.506.158	157.698.377
<b>Mua hàng</b>	<b>34.937.674.031</b>	<b>39.377.108.107</b>
Mua hàng của Công ty TNHH Kết cấu Thép Bắc Việt	33.313.181.810	34.087.450.587
Mua hàng của Công ty CP Công nghệ Bắc Việt	1.368.092.700	4.958.473.655
Mua hàng của Công ty TNHH Nippon steel & Sumikin metal products Việt Nam	256.399.521	253.623.975
Mua hàng của Công ty CP Công nghệ Bắc Việt	-	76.917.890
Mua hàng của Công ty CP Công nghiệp Bắc Việt	-	642.000

**b) Số dư với các bên liên quan**

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
<b>Phải thu khách hàng ngắn hạn</b>	<b>4.807.689.789</b>	<b>8.941.039.145</b>
Công ty CP Thương mại Bắc Việt	4.807.689.789	499.219.593
Công ty TNHH Kết cấu Thép Bắc Việt	-	8.441.819.552
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>228.105.501</b>	-
Công ty TNHH Kết cấu Thép Bắc Việt	113.831.740	-
Công ty CP Công Nghệ Bắc Việt	114.273.761	-
<b>Các khoản phải thu khác</b>	<b>4.548.537.668</b>	<b>9.709.014.380</b>
Công ty CP Công Nghiệp Bắc Việt	4.548.537.668	4.753.537.668
Công ty TNHH Kết cấu Thép Bắc Việt	-	4.955.476.712
<b>Các khoản phải trả khác</b>	<b>1.723.225.578</b>	<b>3.097.902.244</b>
Công ty TNHH Kết cấu thép Bắc Việt	1.723.225.578	-
Công ty CP Công Nghệ Bắc Việt	-	3.097.902.244

**Thu nhập Ban giám đốc được hưởng trong năm như sau:**

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Lương	477.644.000	262.487.000
<b>Cộng</b>	<b>477.644.000</b>	<b>262.487.000</b>

**3. Công cụ tài chính****Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục, vừa tối đa hóa lợi ích của cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại thuyết minh số V.10, trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền), phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ trừ đi lỗ lũy kế).

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại thuyết minh số IV.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

**Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	10.142.704.605	446.101.187
Phải thu khách hàng và phải thu khác	31.963.937.580	66.692.495.919
Các khoản đầu tư tài chính	6.693.843.996	4.368.243.996
<b>Tổng cộng</b>	<b>48.800.486.181</b>	<b>71.506.841.102</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay	93.047.286.355	96.589.063.411
Phải trả người bán và phải trả khác	2.545.480.329	3.682.454.694
Chi phí phải trả	13.733.489.018	9.186.542.512
<b>Tổng cộng</b>	<b>109.326.255.702</b>	<b>109.458.060.617</b>

Công ty chưa đánh giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công cụ nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công cụ nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng cho giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

*Quản lý rủi ro tỷ giá*

Công ty thực hiện một số giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công cụ nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Đô la Mỹ (USD)	21.650.625.000	50.322.334.850	7.366.021	7.251.255



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

*Quản lý rủi ro lãi suất*

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

*Quản lý rủi ro về giá*

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

31/12/2015	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Tổng cộng VND
Phải trả người bán và phải trả khác	2.546.935.385	-	2.546.935.385
Chi phí phải trả	13.733.489.018	-	13.733.489.018
Các khoản vay	29.749.615.839	63.297.670.516	93.047.286.355
01/01/2015	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Cộng VND
Phải trả người bán và phải trả khác	3.682.454.694	-	3.682.454.694
Chi phí phải trả	9.186.542.512	-	9.186.542.512
Các khoản vay	34.373.708.895	62.215.354.516	96.589.063.411

Công ty đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức cao. Tổng giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó (nếu có). Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

31/12/2015	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Cộng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	10.142.704.605	-	10.142.704.605
Phải thu khách hàng và phải thu khác	31.963.937.580	-	31.963.937.580
Các khoản đầu tư tài chính	-	6.693.843.996	6.693.843.996
01/01/2015	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Cộng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	446.101.187	-	446.101.187
Phải thu khách hàng và phải thu khác	66.692.495.919	-	66.692.495.919
Các khoản đầu tư tài chính	-	4.368.243.996	4.368.243.996

**4. Thông tin so sánh**

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 của Công ty CP Thép Bắc Việt đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam. Và, như trình bày tại Thuyết minh số III.1, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được trình bày lại theo hướng dẫn của Thông tư 200 để phù hợp với số liệu so sánh của kỳ này. Chi tiết số liệu được phân loại lại như sau:

Chỉ tiêu	31/12/2014		
	Số đã báo cáo VND	Phân loại lại VND	Số sau phân loại VND
Phải thu khác ngắn hạn	57.248.264.339	319.933.000	57.568.197.339
Tài sản ngắn hạn khác	319.933.000	(319.933.000)	-
Hàng tồn kho	3.230.589.947	(892.364.252)	2.338.225.695
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn	-	892.364.252	892.364.252
Tài sản dài hạn khác	278.636.840	(278.636.840)	-
Phải thu dài hạn khác	-	278.636.840	278.636.840
Vay và nợ ngắn hạn	34.373.708.895	(34.373.708.895)	-
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	-	34.373.708.895	34.373.708.895
Vay và nợ dài hạn	62.215.354.516	(62.215.354.516)	-
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	-	62.215.354.516	62.215.354.516
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	97.509.480.000	(97.509.480.000)	-
Vốn góp của chủ sở hữu	-	97.509.480.000	97.509.480.000
Quỹ đầu tư phát triển	6.719.029.425	1.137.798.402	7.856.827.827
Quỹ dự phòng tài chính	1.137.798.402	(1.137.798.402)	-

Hà Nội, ngày 24 tháng 03 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP BẮC VIỆT

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Vũ Hoàng Chương

Tạ Thị Thu Hà

Nguyễn Thị Thông